TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày: 18/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:* Ông Trần Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/LTST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với:

- *Bị cáo:* Lai Bích N (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 07/9/1989.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lai Hoàng L, sinh năm 1970 (S) và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1970 (S); Chồng: Sơn Hoàng M, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2011; nhỏ nhất sinh năm 2014); A, chị em ruột: có 03 người (lớn nhất là bị cáo; nhỏ nhất sinh năm 2000); Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 16/12/2024 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lai Bích N: Luật sư Trần Minh T1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hùng V – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh S (có mặt).

Địa chỉ: Số C, ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lai Bích N hàng ngày làm nghề chạy xe mô tô chở hàng thuê cho những người có nhu cầu. Vào khoảng tháng 3 năm 2024 khi bị cáo đang chở hàng hóa thuê cho người khác thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) biết được số điện thoại của bị cáo nên gọi điện thoại đặt vấn đề thuê bị cáo chở hàng thuê là thuốc lá điếu nhập lậu với mức tiền công vận chuyển là 1.000 đồng trên 01 cây thuốc lá (01 cây gồm mười bao thuốc lá). Để có tiền trang trãi cuộc sống và nuôi 02 con nhỏ nên bị cáo N đồng ý nhận vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu từ người này. Sau đó mỗi khi cần thuê N vận chuyển thuốc lá thì người đàn ông này sẽ gọi điện thông báo cho bị cáo N biết nơi để thuốc lá (thường được đóng kín trong thùng giấy sẵn, để ở nơi vắng người cặp đường Quốc lộ) để N ra chở đem đến địa điểm giao hàng là những bãi đất trống theo chỉ dẫn của người thuê. Khi đem thùng hàng đến địa điểm giao thì N để lại rồi đi về, không trực tiếp gặp người giao hoặc người nhận thuốc lá, riêng tiền công thì được dán sẵn ở phía ngoài thùng hàng, khi bị cáo N giao xong thì tự lấy tiền rồi đi về. Bị cáo N không xác định đã vận chuyển được bao nhiêu lần và thời gian cụ thể từng lần, cũng như không xác định được vận chuyển thuốc lá gì do không mở thùng hàng ra xem nhưng mỗi lần nhận được khoảng từ 50.000 đồng đến 120.000 đồng tiền công được dán sẵn trên thùng hàng.

Khoảng 08 giờ ngày 22/11/2024 người thường xuyên thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá gọi điện thoại từ số thuê bao 0984.452.987 cho bị cáo N với nội dung là "Khoảng một tiếng nữa thì thuốc về", bị cáo hiểu là hôm nay người này cần thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu thì bị cáo đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày người đàn ông nói trên tiếp tục điện thoại cho bị cáo hướng dẫn bị cáo đến khu đất trống cặp đường Q, thuộc ấp S, xã T, huyện M để chở 03 (ba) thùng giấy đựng thuốc lá điếu nhập lậu đem giao thì bị cáo làm theo. Khi đến nơi bị cáo thấy trên thùng giấy có dán sẵn số tiền 150.000 đồng nên bị cáo lấy cất vào túi rồi xếp 03 thùng giấy lên xe, điều khiển xe theo tuyến Quốc lộ A hướng về huyện T để tìm nơi giao hàng như lời chỉ dẫn của người đàn ông. Khi chạy xe ngang nhà của bị cáo ở ấp P thì bị cáo ghé vào nhà để thay quần áo, trong lúc ôm 01 thùng giấy từ trên xe để xuống thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra và phát hiện số thuốc lá điếu nhập lậu đựng trong 03 thùng giấy mà bị cáo vừa chở vào nhà là 1.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Hero (còn nguyên bao bì, chưa qua sử dụng) nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội trong trường hợp quả tang đối với bị cáo và thu giữ toàn bộ tang vật. Quá trình làm việc thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ, hiện còn quản lý gồm:

- Số tiền 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười nghìn đồng);

- 1.500 (một nghìn năm trăm) bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu: Hero, màu xanh còn nguyên bao bì (chưa qua sử dụng) đã được niêm phong bằng 03 thùng giấy và ký hiệu niêm phong lần lượt là: "TL-QT-NGỌC-01"; "TL-QT-NGỌC-02"; "TL-QT-NGỌC-

03";

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu: iPhone 11, màu trắng, số Imei: 356575100462796, số sê ri: C7CZP07QN736, sử dụng số thuê bao: 0985397828, còn hoạt động, sử dụng mật khẩu mở khóa màn hình "1987" (đã qua sử dụng) được niêm phong, ký hiệu: "ĐT-QT-NGỌC";

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 83H8-7200, nhãn hiệu: Honda, loại: WAVE, màu sơn: Đen-Xám, số khung: RLHHC090937Y903610, số máy: HC09E-6726541 (đã qua sử dụng).

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSMX ngày 11/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lai Bích N về "Tội vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lai Bích N thừa nhận để có tiền tiêu xài bị cáo đã có hành vi dùng xe của bị cáo, loại xe mô tô biển số 83H8-7200 đi đến khu vực đất trống cặp đường Quốc lộ tại ấp S, xã T, huyện M theo chỉ dẫn của người thuê (chưa xác định nhân thân) để nhận 03 thùng giấy được dán kín bên trong đựng thuốc lá điếu nhập lậu rồi đem giao hàng với tiền công là 150.000 đồng. Khi bị cáo vận chuyển số hàng trên về đến nhà ở ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì bị phát hiện và bị bắt quả tang cùng tang vật là 1.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Hero được để bên trong 03 thùng hàng bằng giấy mà bị cáo đang vận chuyển.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lai Bích N theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lai Bích Ngọc phạm "Tội vận chuyển hàng cấm". Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lai Bích N từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 83H8-7200, nhãn hiệu: Honda, loại: WAVE, màu sơn: Đen-Xám, số khung: RLHHC090937Y903610, số máy: HC09E-6726541 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: iPhone 11, màu trắng, số Imei: 356575100462796, số sê ri: C7CZP07QN736, sử dụng số thuê bao: 0985397828, còn hoạt động, sử dụng mật khẩu mở khóa màn hình "1987" (đã qua sử dụng) được niêm phong, ký hiệu: "ĐT-QT-NGỌC";

+ Số tiền: 150.000 đồng.

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo

Lai Bích N số tiền 1.160.000 đồng.

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng là vật cấm lưu hành gồm: 1.500 (một nghìn năm trăm) bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu: Hero, màu xanh còn nguyên bao bì (chưa qua sử dụng) đã được niêm phong bằng 03 thùng giấy và ký hiệu niêm phong lần lượt là: "TL-QT-NGỌC-01"; "TL-QT-NGỌC-02"; "TL-QT-NGỌC-03";

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH tuyên buộc bị cáo Lai Bích N phải chịu tiền án hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Lai Bích N trình bày ý kiến như sau: Thống nhất với quyết định truy tố theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên; Thống nhất về tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, bị cáo là dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, phải nuôi con còn nhỏ nên bị cáo nhận vận chuyển hàng cấm để hưởng tiền công với số tiền 150.000 đồng dẫn đến hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải và bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện để cải tạo giáo dục tại địa phương. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cho bị cáo được hưởng án treo, đề nghị xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong phần lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải không tái phạm nữa, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án tren để lo cho hai con còn nhỏ và mẹ của bị cáo đã lớn tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lai Bích N thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo và các tình tiết khác của vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo Lai Bích N đã có hành vi dùng xe mô tô biển số 83H8-7200

của bị cáo đi đến khu vực đất trống cặp đường Quốc lộ tại ấp S, xã T, huyện M theo chỉ dẫn của người thuê (chưa xác định nhân thân) để nhận 03 thùng giấy được dán kín bên trong đựng thuốc lá điếu nhập lậu rồi đem giao hàng với tiền công là 150.000 đồng. Khi bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu về đến nhà ở ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì bị lực lượng công an phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật là 1.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Hero được để bên trong 03 thùng hàng bằng giấy mà bị cáo đang vận chuyển.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Lai Bích N đủ yếu tố cấu thành "Tội vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 37/CT-VKSMX ngày 11/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lai Bích N về "Tội vận chuyển hàng cấm" theo điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Lai Bích N là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn của xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trước khi phạm tội bị cáo Lai Bích N có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trên đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt; Không có tiền án, tiền sự và có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; Bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù. Nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt và loại hình phạt đối với bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để quyết định cho bị cáo được hưởng loại hình phạt tù có điều kiện, để bị cáo chấp hành hình phạt dưới sự giám sát của chính quyền địa phương sẽ có tác dụng giáo dục tốt hơn.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 83H8-7200, nhãn hiệu: Honda, loại: WAVE, màu sơn: Đen-Xám, số khung: RLHHC090937Y903610, số máy: HC09E-6726541 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: iPhone 11, màu trắng, số Imei:

356575100462796, số sê ri: C7CZP07QN736, sử dụng số thuê bao: 0985397828, còn hoạt động, sử dụng mật khẩu mở khóa màn hình "1987" (đã qua sử dụng) được niêm phong, ký hiệu: "ĐT-QT-NGỌC";

- Đối với số tiền cơ quan điều tra thu giữ 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười nghìn đồng), có cơ sở chứng minh bị cáo hưởng lợi bất chính từ việc vận chuyển hàng cấm là 150.000 đồng. Số tiền còn lại 1.160.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu được nhận lại số tiền 1.160.000 đồng nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng là vật cấm lưu hành gồm: 1.500 (một nghìn năm trăm) bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu: Hero, màu xanh còn nguyên bao bì (chưa qua sử dụng) đã được niêm phong bằng 03 thùng giấy và ký hiệu niêm phong lần lượt là: "TL-QT-NGỌC-01"; "TL-QT-NGỌC-02"; "TL-QT-NGỌC-03";

[8] Đối với những lần trước đó bị cáo đã vận chuyển hàng để nhận tiền công nhưng bị cáo không biết rõ bên trong là loại hàng gì, không rõ số lượng và không nhớ số lần vận chuyển, không xác định được định lượng nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ khởi tố vụ án là có cơ sở.

[9] Đối với ông Phạm Hồng V1 đã sử dụng số 0984452987 đến tháng 6 năm 2024 thì điện thoại bị hư và làm mất số thuê bao này đến nay không còn sử dụng. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xem xét trong vụ án này, tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau là có cơ sở.

[10] Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lai Bích N tại phiên tòa về tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối yêu cầu miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là không có cơ cở, vì tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 đã quy định về miễn án phí thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Bị cáo sống tại xã T, huyện M hiện nay không phải là xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, yêu cầu này của Luật sư không được chấp nhận.

[11] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà hôm nay là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lai Bích Ngọc phạm "Tội vận chuyển hàng cấm".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo Lai Bích N 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo kèm theo 02 (hai) năm thử thách. Thời hạn thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/6/2025.

Giao bị cáo Lai Bích N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 83H8-7200, nhãn hiệu: Honda, loại: WAVE, màu sơn: Đen-Xám, số khung: RLHHC090937Y903610, số máy: HC09E-6726541 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: iPhone 11, màu trắng, số Imei: 356575100462796, số sê ri: C7CZP07QN736, sử dụng số thuê bao: 0985397828, còn hoạt động, sử dụng mật khẩu mở khóa màn hình "1987" (đã qua sử dụng) được niêm phong, ký hiệu: "ĐT-QT-NGỌC";

+ Số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính từ việc vận chuyển hàng cấm là 150.000 đồng.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng là vật cấm lưu hành gồm: 1.500 (một nghìn năm trăm) bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu: Hero, màu xanh còn nguyên bao bì (chưa qua sử dụng) đã được niêm phong bằng 03 thùng giấy và ký hiệu niêm phong lần lượt là: "TL-QT-NGỌC-01"; "TL-QT-NGỌC-02"; "TL-QT-NGỌC-03";

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lai Bích N số tiền 1.160.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lai Bích N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Mỹ Xuyên.

[4] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện MX;
- Bị cáo;
- Chi cục THA.HMX;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Hỗ trợ tư pháp CA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ